

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LIÊU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2021

“V/v Tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LIÊU – TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà: Tăng Thị Dân

- Bà: Hoàng Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc “V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị La Thị H, sinh năm 1994; Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã V, huyện B, Quảng Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Tô Văn S, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện B, Quảng Ninh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị La Thị H trình bày: Chị và anh Tô Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn chị và anh S về sinh sống ở thôn B, xã V, huyện B, cuộc sống chung vợ chồng Chị và anh S hạnh phúc đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của hai vợ chồng không hòa hợp, không có sự thấu hiểu và cảm thông, thiếu sự quan tâm và chia sẻ cùng nhau, bất đồng về phương pháp giáo dục con, từ đó, tình cảm ngày càng nguội lạnh, anh S lại thường xuyên đánh bạc, không chịu đi làm thu vén cho gia đình. Chị và anh S đã nói chuyện để tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn, nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa chị và anh S ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải. Chị và anh S cũng đã ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị thấy tình cảm yêu thương đối với anh S đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh S để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh Tô Văn S có 01 con

chung là Tô Đại L, sinh ngày 19/01/2014. Khi được ly hôn chị đề nghị anh S trực tiếp nuôi con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và chị tự nguyện cấp dưỡng tiền cho con chung 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi)

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh S xác nhận quá trình kết hôn giữa anh và chị H đúng như chị H trình bày, tuy nhiên quá trình xảy ra mâu thuẫn do anh đánh bạc chơi ăn tiền, không liên quan đến tiền của gia đình, khi không có tiền anh bán xe máy lấy tiền tiêu pha hàng ngày, thỉnh thoảng anh có đánh bạc bằng hình thức đánh bi a đánh phỏm ăn tiền, vì thế chị H nói anh là không lo toan gia đình và chơi bời. Còn đánh đập vợ con anh chưa bao giờ làm, chị H viện lý do đó bỏ anh, chị H có bỏ về nhà ngoại sinh sống anh có lên nói chuyện với bố mẹ chị H để đón chị H về nhiều lần, chị H không bỏ qua và nhất định không về nhà chung sống cùng anh. mâu thuẫn vợ chồng anh cũng chưa được hai bên gia đình hòa giải, anh xét thấy vẫn còn tình cảm và mong muốn chị H về chung sống cùng anh để nuôi dạy con cái và anh hứa sẽ có trách nhiệm với gia đình. Chị H làm thủ tục ly hôn anh, anh không đồng ý và mong muốn chị H đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Tô Đại L, sinh ngày 19/01/2014. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và chấp nhận mức chị H cấp dưỡng tiền cho con chung 2.000.000đ./1 tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi)

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị La Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bị đơn anh Tô Văn S, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện B, Quảng Ninh, nên yêu cầu xin ly hôn của chị La Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị La Thị H và anh Tô Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ninh, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị H anh S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, căng thẳng, không có sự thấu hiểu và cảm thông, thiếu sự quan tâm và chia sẻ cùng nhau, bất đồng về phương pháp giáo dục con, tình cảm ngày càng nguội lạnh, anh S lại thường xuyên cờ bạc (đánh phỏm), không tu chí đi làm. Chị và anh S đã nói chuyện để tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn, nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa chị và anh S ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải. Chị và anh S cũng đã ly thân từ năm 2020 đến nay, từ khi ly thân anh có lên nói chuyện với bố mẹ chị H để đón chị H về nhiều lần, chị H không bỏ qua và nhất định không về nhà chung sống cùng anh và không còn quan tâm đến anh. Chị thấy tình cảm yêu thương đối với anh S đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh S để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo chị H trình bày cùng với nội dung xác minh tại tổ dân khu phố xác định tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị và anh S tổ dân phố không nắm được, chị H và anh S đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị H làm thủ tục ly hôn anh, anh không đồng ý và mong muốn chị H đoàn tụ gia đình. Chị H không chấp nhận quan điểm của anh S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh S mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu giải quyết cho ly hôn của chị H đối với anh S là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị La Thị H và anh Tô Văn S có 01 con chung là Tô Đại L, sinh ngày 19/01/2014. Khi được ly hôn chị đề nghị anh S trực tiếp nuôi con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền cho con chung 2.000.000đ./1 tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 69; khoản 1, khoản 3 Điều 70; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh S, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị H và anh S không vay mượn cá nhân, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị La Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị La Thị H, anh Tô Văn S được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Khoản 1 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị La Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị H được ly hôn với anh Tô Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung Tô Đại L, sinh ngày 19/01/2014 cho anh Tô Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. chị H tự nguyện cấp dưỡng cho con chung 2.000.000đ./1 tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị La Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng số: 0003833 ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Liêu; Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị La Thị H, anh Tô Văn S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- Chi cục THADS huyện Bình Liêu.
- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND huyện Bình Liêu.
- UBND xã Vô Ngại
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải